

Số: 1021/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 05 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án “Tăng cường công tác quản lý thuế
trong lĩnh vực xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh tại Tờ trình số 2783/TTr-
CTTVI ngày 29 tháng 6 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Tăng cường công tác quản lý thuế trong lĩnh vực xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh” như đề xuất của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh tại Tờ trình số 2783/TTr-CTTVI ngày 29 tháng 6 năm 2023 (Đính kèm Đề án số 2779/ĐA-CTTVI ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh).

Điều 2. Cục Thuế tỉnh là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Đề án này đảm bảo đúng mục tiêu đề ra; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

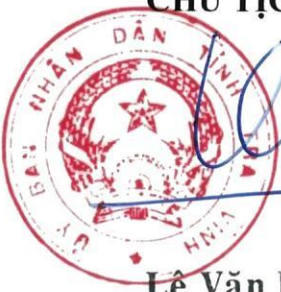
Điều 3. Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chủ động, tích cực phối hợp với cơ quan Thuế triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp đề ra tại Đề án này nhằm chống thất thu thuế thuộc lĩnh vực xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện đạt chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước hàng năm.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh, các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BLĐ VP. UBND tỉnh;
- Các Phòng NC;
- Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, KT. 04

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hân

Số: 2779 /ĐA-CTTVI

Trà Vinh, ngày 28 tháng 6 năm 2023

ĐỀ ÁN

**Tăng cường công tác quản lý thuế trong lĩnh vực xây dựng cơ bản
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Nhằm tăng cường công tác quản lý, kiểm soát, giám sát và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận, trốn thuế, góp phần thực hiện công bằng nghĩa vụ thuế đối với nhà nước trên địa bàn tỉnh, ngày 14 tháng 8 năm 2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 43/KH-UBND triển khai các giải pháp quản lý, khai thác nguồn thu và chống thất thu thuế trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2020 và những năm tiếp theo. Tuy nhiên, hiện nay do Luật Quản lý thuế đã được sửa đổi, bổ sung nên có những nội dung về quản lý thu, chống thất thu thuế không còn phù hợp; mặt khác, công tác quản lý thu thuế đối với lĩnh vực xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh thời gian qua còn gặp một số khó khăn nhất định, một phần do đặc thù trong lĩnh vực xây dựng cơ bản với thời gian thực hiện công trình kéo dài, liên huyện, liên tỉnh và việc giải ngân, thanh toán, quyết toán được thực hiện theo tiến độ công trình, dự án; tính tuân thủ pháp luật về thuế của các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực xây dựng cơ bản chưa cao; các công trình xây dựng cơ bản phát sinh trên địa bàn chưa được cơ quan Thuế các cấp quản lý chặt chẽ; công tác phối hợp quản lý giữa cơ quan Thuế với các cơ quan, đơn vị có liên quan chưa kịp thời, vẫn còn thất thu thuế,... Để tăng cường công tác quản lý và chống thất thu thuế theo Luật Quản lý thuế và các văn bản pháp luật có liên quan đối với lĩnh vực xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh một cách đồng bộ, thống nhất và hiệu quả, góp phần hoàn thành vượt mức dự toán thu nội địa hàng năm, thì việc ban hành Đề án "*Tăng cường công tác quản lý thuế trong lĩnh vực xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh*" là cần thiết.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân ngày 21 tháng 11 năm 2007; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về Bảng giá chuẩn nhà, vật kiến trúc và công tác xây lắp, xây dựng mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Căn cứ kiến nghị tại Báo cáo thẩm tra số 161/BC-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 7 - Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X.

III. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu chung

Nhằm tăng cường công tác quản lý thu thuế, khai thác nguồn thu và chống thất thu thuế một cách đồng bộ, thống nhất và hiệu quả đối với lĩnh vực xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện hoàn thành và vượt mức dự toán thu ngân sách được giao hàng năm.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền các cấp, sự chủ động phối hợp giữa cơ quan Thuế với các đơn vị có liên quan trong công tác quản lý thuế nhằm ngăn ngừa và chống thất thu thuế đối với lĩnh vực xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh.

b) Nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế của các nhà thầu trong việc thực hiện các quy định của pháp luật nói chung và chính sách thuế nói riêng trong lĩnh vực xây dựng cơ bản.

c) Tạo sự công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế, đảm bảo lành mạnh hóa trong hoạt động đầu tư, kinh doanh.

d) Chấn chỉnh, kịp thời xử lý các hành vi vi phạm về thuế, phí trong lĩnh vực xây dựng cơ bản theo quy định của pháp luật.

đ) Tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước nói chung, quản lý thuế nói riêng đối với lĩnh vực xây dựng cơ bản, gắn công tác quản lý trong lĩnh vực xây dựng cơ bản với công tác quản lý thu ngân sách, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành.

e) Kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về thuế phù hợp với thực tiễn.

3. Yêu cầu

a) Triển khai thực hiện đúng quy định của pháp luật về thuế và đạt hiệu quả cao; tăng cường sự phối hợp, hỗ trợ giữa cơ quan Thuế, các Sở, ban, ngành đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các nhà thầu thi công các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh.

b) Kết hợp các biện pháp tuyên truyền, vận động với kiểm tra, giám sát, đấu tranh để các nhà thầu tự giác thực hiện đúng quy định của pháp luật về thuế; đồng thời, xử lý nghiêm các nhà thầu, tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm trong công tác quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng cơ bản.

c) Thường xuyên theo dõi, nắm tình hình triển khai thực hiện Đề án, đôn đốc, hướng dẫn, xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ BẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỜI GIAN QUA

I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ BẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Thực trạng

a) Trong những năm gần đây, lĩnh vực xây dựng cơ bản có chiều hướng phát triển mạnh trên địa bàn tỉnh; nhiều nhà thầu tham gia vào hoạt động xây dựng công trình, dự án đầu tư ngày càng tăng, kể cả các công trình xây dựng nhà ở tư nhân; việc thu thuế trong lĩnh vực xây dựng cơ bản đúng và đủ sẽ tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng giữa các tổ chức và cá nhân, góp phần tăng nguồn thu đáng kể cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, công tác quản lý thu, chống thất thu thuế trên lĩnh vực này còn những hạn chế nhất định, số thuế thu được chưa tương xứng với thực tế doanh thu phát sinh từ hoạt động thi công công trình xây dựng tại các địa phương trên địa bàn tỉnh.

b) Hiện nay, công tác quản lý thu thuế trong lĩnh vực xây dựng cơ bản do các nhà thầu trong tỉnh và ngoài tỉnh (còn gọi là xây dựng cơ bản vãng lai ngoài tỉnh) thực hiện gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là đối với các công trình xây dựng cơ bản vãng lai ngoài tỉnh, do cơ quan Thuế không có đầy đủ thông tin về nhà thầu, giá trị xây lắp, ... Mặt khác, do các nhà thầu ngoài tỉnh không phải do các cơ quan Thuế trên địa bàn tỉnh trực tiếp quản lý, thường chỉ có đại diện đơn vị thi công nên việc theo dõi, đôn đốc kê khai thuế, nộp thuế gặp nhiều khó khăn, một số nhà thầu không tự giác kê khai đầy đủ số thuế phát sinh; công tác phối hợp quản lý, nắm thông tin chưa thường xuyên, đầy đủ, ...; ngoài ra, hiện nay các chế tài xử lý đối với việc không cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến việc khai thuế và nộp thuế của người nộp thuế cũng chưa được quy định cụ thể.

2. Kết quả quản lý thuế trong lĩnh vực xây dựng cơ bản vãng lai ngoài tỉnh thời gian qua

a) Năm 2020:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị/địa bàn	Số lượng công trình	Giá trị hợp đồng	Số thuế phát sinh	Số đã nộp	Số còn phải nộp
1	Thành phố Trà Vinh	12	2.199.168	39.984	10.639	29.345
2	Huyện Châu Thành	6	39.750	747	747	-
3	Huyện Càng Long	12	348.057	6.961	6.961	-
4	Huyện Tiểu Cần	-	-	-	-	-
5	Huyện Cầu Kè	-	-	-	-	-
6	Huyện Cầu Ngang	21	288.450	5.769	5.769	-
7	Huyện Trà Cú	23	308.450	6.169	6.169	-
8	Huyện Duyên Hải	18	392.404	7.785	7.688	97
9	Thị xã Duyên Hải	23	895.200	17.904	17.904	-
Tổng cộng		115	4.471.479	85.319	55.877	29.442

b) Năm 2021:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị/địa bàn	Số lượng công trình	Giá trị hợp đồng	Số thuế phát sinh	Số đã nộp	Số còn phải nộp
1	Thành phố Trà Vinh	20	2.135.504	38.827	25.682	13.145
2	Huyện Châu Thành	16	79.476	1.439	1.442	-
3	Huyện Càng Long	7	178.949	3.028	2.673	355
4	Huyện Tiểu Cần	8	84.416	1.659	1.659	-
5	Huyện Cầu Kè	3	9.555	138	138	-
6	Huyện Cầu Ngang	21	272.800	5.456	5.456	-
7	Huyện Trà Cú	20	260.100	5.202	5.202	-
8	Huyện Duyên Hải	23	689.800	13.796	13.796	-
9	Thị xã Duyên Hải	31	1.943.979	37.090	35.675	1.415
Tổng cộng		149	5.654.579	106.635	91.723	14.915

c) Năm 2022:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị/địa bàn	Số lượng công trình	Giá trị hợp đồng	Số thuế phát sinh	Số đã nộp	Số còn phải nộp
1	Thành phố Trà Vinh	22	2.000.504	18.845	7.287	12.094
2	Huyện Châu Thành	13	501.218	4.795	2.476	2.319
3	Huyện Càng Long	3	6.983	70	34	36
4	Huyện Tiểu Cần	4	10.208	99	99	-
5	Huyện Cầu Kè	8	99.170	828	629	199
6	Huyện Cầu Ngang	15	647.418	3.252	2.386	723
7	Huyện Trà Cú	9	287.030	2.870	1.553	1.317
8	Huyện Duyên Hải	36	8.971.055	91.630	13.999	77.631
9	Thị xã Duyên Hải	23	3.270.882	49.714	26.106	23.608
Tổng cộng		133	15.794.468	167.924	54.569	177.927

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Tồn tại, hạn chế

a) Việc quản lý thuế nói chung và quản lý thuế trong lĩnh vực xây dựng cơ bản nói riêng còn bị thất thu cả về đối tượng cũng như số thuế thu được và chưa được quản lý chặt chẽ, đúng quy định; số thuế thu được chưa sát với doanh thu tính thuế, việc đối chiếu, xác định số thuế còn phải nộp sau quyết toán hoàn thành hầu như chưa được thực hiện.

b) Một số cơ quan Thuế chưa có quyết tâm cao trong công tác quản lý thu thuế đối với lĩnh vực xây dựng cơ bản; công tác phối hợp với các phòng, ban cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã để thu thuế đối với các công trình phát sinh trên địa bàn quản lý chưa được chú trọng và thường xuyên; các trường hợp cần có sự phối hợp giữa cơ quan Thuế với các đơn vị có liên quan để thu thập thông tin, xử lý các trường hợp không nộp thuế hoặc chậm nộp thuế hiệu quả chưa cao.

c) Công tác tổng hợp, đánh giá, đề ra giải pháp quản lý thuế trong lĩnh vực xây dựng cơ bản chưa được quan tâm đúng mức.

2. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

a) Việc quản lý thuế đối với các chương trình/dự án có công trình xây dựng cơ bản, kể cả các công trình xây dựng nhà ở tư nhân chưa được lập danh bạ theo dõi chi tiết từng công trình/hạng mục công trình; việc thu thập thông tin để phục vụ cho công tác quản lý thu thuế đối với các công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách, kể cả bằng nguồn vốn ngoài ngân sách còn thiếu, chưa kịp thời (thông tin về nhà thầu chính, nhà thầu phụ; giá trị công trình xây dựng; thời gian khởi công, thời gian hoàn thành, tình hình giải ngân,...) dẫn đến bỏ sót đối tượng cũng như việc xác định doanh thu tính thuế phải nộp chưa đầy đủ.

b) Tính tuân thủ pháp luật về thuế của các nhà thầu chưa nghiêm, còn tình trạng không phối hợp cung cấp thông tin đầy đủ cho cơ quan Thuế, đây đưa nộp chậm tiền thuế vào ngân sách nhà nước hoặc không kê khai số thuế giá trị gia tăng phải nộp cho địa phương nơi phát sinh công trình xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Quản lý thuế nhưng cơ quan Thuế chưa có biện pháp chế tài theo đúng quy định của pháp luật.

c) Một số cá nhân, hộ gia đình có hoạt động xây dựng nhà ở thiếu hợp tác với cơ quan Thuế trong việc cung cấp thông tin về hoạt động xây dựng đối với bên nhận thầu; cá nhân nhận thầu xây dựng mặc dù được cơ quan Thuế hướng dẫn nhưng vẫn cố tình trì hoãn, né tránh không thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế.

d) Thời gian qua, mặc dù cơ quan Thuế đã có nhiều cố gắng trong công tác quản lý thuế trong lĩnh vực xây dựng cơ bản nhưng vẫn chưa có biện pháp quản lý hữu hiệu trong công tác chống thất thu thuế; công tác phối hợp quản lý giữa cơ quan Thuế với các cơ quan chức năng có liên quan chưa kịp thời, thiếu đồng bộ, thiếu cơ chế trao đổi thông tin, chưa rõ trách nhiệm dẫn đến công tác quản lý thuế chưa chặt chẽ, kịp thời, còn thất thu thuế.

Phần thứ ba NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhóm giải pháp về tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

a) Thực hiện tốt công tác tuyên truyền để người nộp thuế nắm vững quy định của pháp luật về thuế, nhất là chính sách thuế lĩnh vực xây dựng cơ bản đối với các nhà thầu vắng lai ngoại tỉnh, nhà thầu xây dựng các công trình nhà ở tư nhân.

b) Hướng dẫn người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế đầy đủ đối với các công trình, dự án phát sinh, kể cả các nhà thầu thi công công trình xây dựng cơ bản vắng lai ngoại tỉnh; yêu cầu người nộp thuế phải cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ liên quan đến công trình, dự án xây dựng nhằm phục vụ công tác quản lý thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Công tác tuyên truyền phải thực hiện thường xuyên và định kỳ trên Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Báo Trà Vinh, Đài truyền thanh cấp huyện, Trạm truyền thanh cấp xã các quy định của pháp luật về thuế nói chung, lĩnh vực xây dựng cơ bản nói riêng nhằm nâng cao nhận thức của người nộp thuế trong kê khai và nộp thuế đúng quy định; nâng cao trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong cấp phép xây dựng, đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế,... nhằm chống thất thu thuế.

2. Nhóm giải pháp về quản lý người nộp thuế

a) Nghiên cứu thành lập các Tổ công tác tiến hành rà soát các dự án, công trình xây dựng cơ bản phát sinh thuộc địa bàn quản lý, thông tin kịp thời cho cơ quan Thuế để lập danh bạ đưa vào diện phải quản lý thu thuế theo quy định.

b) Tất cả các công trình xây dựng cơ bản phát sinh trên địa bàn quản lý phải được lập danh bạ theo dõi chi tiết, kể cả công trình xây dựng nhà ở tư nhân (danh bạ được cập nhập theo dõi: Tên công trình/hạng mục công trình, nhà thầu thi công, ngày/tháng/năm phát sinh, số thuế phát sinh/đã nộp/còn phải nộp,...); khuyến khích cơ quan Thuế ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuế.

c) Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu, cán bộ, công chức trong công tác quản lý thuế nói chung, lĩnh vực xây dựng cơ bản nói riêng; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ; chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức vi phạm, coi đây là tiêu chí để đánh giá thi đua hoàn thành nhiệm vụ được giao hàng tháng, quý, năm.

3. Nhóm giải pháp về thanh tra, kiểm tra thuế

a) Tại cơ quan Thuế các cấp: Tổ chức kiểm tra hồ sơ khai thuế tháng, quý, năm; thực hiện kiểm tra đối chiếu sổ sách kế toán, các tài liệu có liên quan để xác định các trường hợp kê khai, nộp thuế không đúng quy định dẫn đến thiếu số tiền phải nộp thuế và xử lý đúng quy định của pháp luật. Thực hiện thanh tra, kiểm tra

thuế tại doanh nghiệp đối với các trường hợp có dấu hiệu nghi vấn, phát sinh rủi ro cao về thuế (doanh nghiệp có số thuế giá trị gia tăng âm lớn hoặc âm liên tục, số lỗ nhiều năm hoặc số lỗ vượt quá số vốn chủ sở hữu, thường xuyên vi phạm về hóa đơn, chứng từ, sổ sách kế toán, kê khai sai doanh thu, số thuế phải nộp,...).

b) Tại trụ sở người nộp thuế: Thực hiện giám sát, kiểm tra, thanh tra các hành vi vi phạm dẫn đến trốn thuế, gian lận thuế như: Kê khai thuế giá trị gia tăng không đúng thời gian và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sai niên độ; hạch toán không tuân theo nguyên tắc kết chuyển chi phí tương ứng với hạch toán doanh thu; sử dụng hoá đơn khống vật liệu xây dựng để tăng chi phí vượt dự toán; lập khống bảng chi nhân công thuê ngoài dẫn đến tăng chi phí nhân công so với dự toán; không hạch toán các công trình bên chủ đầu tư không yêu cầu hoá đơn nhưng vẫn hạch toán các chi phí xây dựng phát sinh; kiểm tra doanh thu, thời điểm nghiệm thu (nghiệm thu giai đoạn nếu có), thời điểm khai thuế, nộp thuế; kiểm tra công tác kế toán liên quan xác định giá thành từng công trình xây dựng; kiểm tra hợp đồng, biên bản nghiệm thu bàn giao, tài liệu thanh quyết toán giá trị thi công; kiểm tra hồ sơ thiết kế, hồ sơ quyết toán, chứng từ chi tiết liên quan,... Đối với các công trình xây dựng tư nhân thì cần rà soát, đối chiếu doanh thu tính thuế, diện tích tính thuế và giá tính thuế đối với công trình xây dựng theo quy định, trường hợp giá theo hợp đồng xây dựng thấp hơn đơn giá chuẩn theo bảng giá chuẩn nhà xây dựng thì xác định bằng đơn giá chuẩn quy định tại Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về bảng giá chuẩn nhà, vật kiến trúc và công tác xây lắp, xây dựng mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

II. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí khoán chi của ngành Thuế và kinh phí hỗ trợ cho Ban Chỉ đạo chống thất thu, thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Thuế

a) Thường xuyên chỉ đạo phòng Tuyên truyền hỗ trợ thuộc Cục Thuế và các Chi cục Thuế xây dựng nội dung phù hợp để tuyên truyền, phổ biến nội dung các chính sách thuế liên quan nói chung và lĩnh vực xây dựng cơ bản nói riêng; nhằm nâng cao ý thức tự giác của người nộp thuế, đưa việc quản lý thuế trong lĩnh vực xây dựng vào nề nếp, hạn chế thất thu cho ngân sách nhà nước;

b) Hướng dẫn người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế và quyết toán thuế đối với hoạt động xây dựng. Yêu cầu người nộp thuế cung cấp thông tin liên quan phục vụ công tác quản lý thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

c) Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ khai, nộp thuế, phí... của người nộp thuế có hoạt động xây dựng. Xử lý nghiêm các hành vi gian lận, trốn tránh nghĩa vụ thuế, phí trong hoạt động xây dựng. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng hóa đơn, ngăn chặn hành vi mua bán hóa đơn, hợp thức hóa chứng từ...;

d) Chủ động phối hợp trao đổi thông tin với các Sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan để nắm bắt kịp thời các công trình phát sinh, tiến độ thi công và tình hình thanh toán vốn,... để đưa vào quản lý thuế. Kịp thời xử lý các vướng mắc phát sinh vượt thẩm quyền của Chi cục Thuế;

e) Chỉ đạo các Chi cục Thuế có trách nhiệm hướng dẫn, yêu cầu nhà thầu chính:

- Thực hiện nghiêm túc, kịp thời theo yêu cầu của cơ quan Thuế trong phối hợp thu thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động xây dựng cơ bản (nhất là các Nhà thầu vắng lai ngoài tỉnh) theo quy định của pháp luật.

- Xuất hóa đơn giá trị gia tăng kịp thời tương ứng với khối lượng hoàn thành, nghiệm thu, thanh toán trước khi giải ngân. Trong trường hợp nhà thầu chính giao lại một phần công việc cho các Nhà thầu phụ theo hợp đồng thì Nhà thầu chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm giữ lại tối thiểu 1% phần giá trị hợp đồng (tương ứng số thuế giá trị gia tăng trên số tiền thanh toán khối lượng công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn bằng nguồn vốn NSNN) để Nhà thầu chính thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Riêng đối với công trình sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách, Chi cục Thuế có trách nhiệm phối hợp kịp thời với chủ đầu tư công trình, dự án để trích nộp 1% trên giá trị thanh toán cho Nhà thầu nộp ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Quản lý thuế.

f) Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thường xuyên và định kỳ; kịp thời xin ý kiến xử lý các vướng mắc, khó khăn do vượt thẩm quyền¹. Định kỳ hàng năm, đánh giá kết quả thực hiện; xác định những tồn tại, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện; tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung Đề án, đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với thực tiễn quản lý nhà nước tại địa phương.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp cung cấp cơ quan Thuế danh mục dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong kế hoạch đầu tư công hằng năm thuộc lĩnh vực phụ trách khi có yêu cầu của cơ quan Thuế tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý thuế, chống thất thu thuế.

3. Sở Tài chính

¹ Giao phòng NVDTPC thuộc Cục Thuế hướng dẫn các Chi cục Thuế lập danh bạ quản lý các công trình xây dựng cơ bản và thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ.

Phối hợp với cơ quan Thuế trong công tác chống thất thu thuế trên lĩnh vực xây dựng cơ bản đối với các công trình, dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách; kịp thời cung cấp thông tin các công trình, dự án được trình thẩm tra phê duyệt quyết toán khi có yêu cầu của cơ quan Thuế để tạo điều kiện thuận lợi công tác quản lý thuế, chống thất thu thuế.

4. Kho bạc Nhà nước tỉnh

a) Phối hợp cung cấp cho cơ quan Thuế cùng cấp toàn bộ danh mục các công trình được thanh toán vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước qua Kho bạc theo định kỳ theo Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18/02/2021 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo và tình hình thực hiện vốn đầu tư công để cơ quan Thuế kịp thời đưa vào quản lý.

b) Kho bạc Nhà nước Trà Vinh chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp thực hiện việc trích nộp tiền thuế nợ khi có yêu cầu của cơ quan Thuế đối với các nhà thầu trong tỉnh.

c) Thực hiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng để nộp vào ngân sách nhà nước khi thanh toán cho chủ đầu tư theo tỷ lệ 1% doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng đối với khối lượng hoàn thành của các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước của các gói thầu do nhà thầu trong và ngoài tỉnh thi công (kể cả các khoản thanh toán cho các công trình xây dựng cơ bản của các dự án ODA thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng). Hạch toán thu ngân sách nhà nước đối với khoản thuế giá trị gia tăng đã khấu trừ và chuyển chứng từ cho cơ quan Thuế quản lý theo thông tin về cơ quan quản lý thu ghi trên chứng từ.

d) Phối hợp với cơ quan Thuế, chủ đầu tư, Ban Quản lý các dự án trong việc đối chiếu, cung cấp thông tin đối với các công trình do Nhà thầu trong và ngoài tỉnh thi công, kịp thời, đầy đủ khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

5. Ban Quản lý Khu kinh tế

Khi phát sinh các dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, có trách nhiệm gửi thông tin cho cơ quan thuế đối với các dự án trên để theo dõi, quản lý; khi các dự án đầu tư triển khai xây dựng thì hỗ trợ cung cấp thông tin các Nhà thầu thi công để cơ quan Thuế quản lý thu thuế theo quy định. Đồng thời, phối hợp với cơ quan Thuế thực hiện các giải pháp để thu nợ thuế xây dựng cơ bản vãng lai, kịp thời, đầy đủ trước khi công trình hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng khi có yêu cầu.

6. Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể khác

a) Khi phê duyệt dự án đầu tư hoặc khi phát sinh các công trình, dự án có sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Thực hiện cung cấp thông tin về các dự án, công trình xây dựng được phê duyệt, danh sách các Nhà thầu chính, Nhà thầu phụ thi công đối với dự án do Sở, ban, ngành, đoàn thể làm chủ đầu tư cho Cục Thuế.

b) Có trách nhiệm yêu cầu Nhà thầu xuất hóa đơn giá trị gia tăng tương ứng với khối lượng hoàn thành, nghiệm thu thanh toán trước khi giải ngân. Đối với Nhà thầu có trụ sở ngoài tỉnh, yêu cầu Nhà thầu lập hóa đơn tương ứng với giá trị được nghiệm thu, thanh toán; chỉ xác nhận hồ sơ nghiệm thu, thanh toán khi Nhà thầu đã nộp thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động xây dựng vĩnh viễn vào ngân sách nhà nước.

c) Thường xuyên phối hợp với các cơ quan Thuế, yêu cầu các Nhà thầu chính, Nhà thầu phụ kê khai, nộp thuế; đôn đốc các Nhà thầu nộp các khoản thuế, phí còn nợ vào ngân sách nhà nước. Đối với các trường hợp dự án có phát sinh hoạt động khai thác tài nguyên thì yêu cầu các chủ đầu tư và Nhà thầu thực hiện khai, nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đầy đủ, đúng theo quy định.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã thường xuyên phối hợp với cơ quan Thuế trong việc cung cấp thông tin các công trình, dự án phát sinh trên địa bàn để quản lý thuế theo quy định; định kỳ phối hợp với cơ quan Thuế (Thành lập Tổ Công tác kiêm nhiệm) để kiểm tra thực tế từng địa bàn cấp xã nhằm quản lý chặt chẽ tất cả các công trình phát sinh trên địa bàn, kể cả công trình xây dựng nhà ở tư nhân.

b) Chỉ đạo Ban Chỉ đạo chống thất thu cấp huyện, có giải pháp hữu hiệu trong công tác chống thất thu thuế trên lĩnh vực xây dựng cơ bản, kể cả thu hồi các khoản thuế nợ trên lĩnh vực này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền hoặc cần điều chỉnh, bổ sung nội dung Đề án này cho phù hợp, các đơn vị phản ánh về Cục Thuế để xem xét, điều chỉnh. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (trình phê duyệt);
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Phòng TTKT1;
- Lưu: VT, NVDTPC.

CỤC TRƯỞNG



Phạm Quốc Dũng